

Bản án số: 101/2018/HS-PT
Ngày: 02-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 122/2018/TLPT-HS ngày 04 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Đinh Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2018/HS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo: **Đinh Văn T**, sinh năm 1998 tại Thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 60, đường P, phường A, quận L, Thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn L, sinh năm 1973 và bà Bùi Thị Thúy H, sinh năm 1974; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt ngày 26/12/2017 và tạm giam cho đến nay, có mặt.

Trong vụ án còn có bị cáo Phạm Thành L1; bị hại bà Nguyễn Thị Kim D; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Thành Đ, bà Bùi Thị Thúy H1 và ông Đào Công T1; tuy nhiên những người này không kháng cáo và Viện Kiểm sát không kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7 năm 2017, bà Nguyễn Thị Kim D có vay của Đinh Văn T số tiền 4.000.000 đồng với thỏa thuận mỗi ngày bà D đóng tiền góp 200.000 đồng cho T. Đến tháng 11/2017, bà D không có khả năng trả tiền góp cho T nên

T kêu Phạm Thành L1 đến nơi làm việc của bà D tại đường M, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để đòi tiền nợ. Do bà D không có tiền trả nợ nên khi gặp bà D, L1 dùng tay đánh vào mặt bà D 02 cái và nói bà D trả nợ cho T, nếu không trả sẽ tiếp tục tìm và đánh bà D đồng thời L1 yêu cầu bà D dẫn L1 về nhà trọ của bà D tại khu 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để L1 biết nơi ở của bà D. Tại đây, bà D đưa cho L1 số tiền 300.000 đồng, L1 lấy tiền rồi đe dọa nếu bà D không trả tiền cho T thì L1 sẽ tiếp tục đánh vợ chồng bà D. Sau đó, L1 đem tiền về đưa cho T và nói cho T nghe; T dùng điện thoại di động hiệu Nokia 1010 màu trắng có số thuê bao 0944523293 gọi điện thoại yêu cầu bà D đến ngày 10/12/2017 phải trả hết số tiền nợ cho T. Do sợ bị đánh nên ngày 10/12/2017, bà D gặp và đưa cho L1 số tiền 1.500.000 đồng tại chợ H thuộc phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương để trả cho T và hẹn đến ngày 25/12/2017 sẽ trả hết số tiền gốc và lãi là 4.800.000 đồng cho T. Đến ngày 25/12/2017, do không đủ tiền trả nợ nên bà D điện thoại nói cho T biết bà D chỉ có 2.000.000 đồng để trả nợ cho T. Lúc này, T tiếp tục đe dọa sẽ kêu L1 đánh bà D và đưa điện thoại cho L1 để đe dọa đánh và giết chồng bà D nếu bà D không trả tiền cho T vào ngày 26/12/2017. Bà D đã đến Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương trình báo sự việc. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/12/2017, T và L1 điều khiển xe mô tô biển số 15B2 – 10485 đến phòng trọ của bà D để đòi nợ. Bà D chỉ có số tiền 2.000.000 đồng nên năn nỉ T và L1 cho bà D trả trước số tiền 1.000.000 đồng còn số tiền 1.000.000 đồng bà D dùng để điều trị bệnh cho con nhưng T không đồng ý và yêu cầu bà D trả hết số tiền 2.000.000 đồng. Khi T và L1 đang nhận tiền của bà D thì bị Đội cảnh sát hình sự Công an thành phố T phối hợp cùng Công an phường P bắt quả tang và thu giữ tang vật gồm: 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); 01 (một) xe mô tô biển số 15B2 – 10485 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 1010 màu trắng có số thuê bao 0944523293; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu xám có số thuê bao 0936973593.

Quá trình điều tra, ông Phạm Thành Đ, sinh năm 1976 (cha ruột của Phạm Thành L1) và bà Bùi Thị Thúy H1, sinh năm 1974 (mẹ ruột của Đinh Văn T) đã bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho bà Nguyễn Thị Kim D số tiền 2.000.000 đồng. Bà D làm đơn xin bãi nại và không có yêu cầu gì khác đối với Đinh Văn T, Phạm Thành L1.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng thu giữ ngày 26/12/2017 của bà Nguyễn Thị Kim D. Ngày 03/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã giao trả số tiền trên cho bà D theo Quyết định xử lý vật chứng số 18 ngày 29/12/2017.

Đối với xe mô tô biển số 15B2 – 10485 là do ông Đào Công T1, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 35/82 đường B, phường T, quận H, Thành phố Hải Phòng đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Ông Đào Công T1 cho L1 mượn xe mô tô trên để làm phương tiện đi lại (ông T và L1 là bạn quen biết nhau). Ngày 26/12/2017, L1 sử dụng xe mô tô biển số 15B2 – 10485 vào việc phạm tội, ông T không biết. Ngày 20/4/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T

đã giao trả xe mô tô biển số 15B2 – 10485 cho ông Đào Công T1 theo Quyết định xử lý vật chứng số 54 ngày 20/4/2018.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus màu xám có số thuê bao 0936973593 là tài sản cá nhân của Đinh Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1010 màu trắng có số thuê bao 0944523293 của Đinh Văn T, đây là phương tiện T và L1 sử dụng gọi và đe dọa bà D để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2018/HS-ST ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Đinh Văn T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 135; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2017;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Phạm Thành L1 07 (bảy) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 135 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/7/2018, bị cáo Đinh Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt (đơn kháng cáo trong hạn luật định).

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm giải quyết đối với vụ án: Xác định tội danh, điều luật Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, đã có xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Đinh Văn T đưa ra tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định pháp luật là bị cáo có ông, bà nội có công với cách mạng và được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến; bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 26/12/2017, Đinh Văn T cùng với Phạm Thành L1 đến phòng trọ của bà Nguyễn Thị Kim D tại địa chỉ phòng trọ số 7, khu nhà trọ số 727 đường P, khu 9, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương đề đòi số tiền gốc và lãi bà D còn nợ T là 4.800.000 đồng; bà D chỉ có 2.000.000 đồng và xin trả trước số tiền 1.000.000 đồng nhưng không được T và L1 đồng ý mà còn có hành vi đe dọa dùng vũ lực để uy hiếp tinh thần của bà D nhằm chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng; khi T và L1 đang nhận tiền của bà D thì bị lực lượng Công an phường P cùng Đội Cảnh sát hình sự Công an thành phố T bắt quả tang.

[2] Theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 thì:

"Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm".

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của bà D được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo T nhận thức được hành vi đe dọa dùng vũ lực, khống chế và uy hiếp tinh thần nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của bà D là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo T vẫn cố ý thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, cụ thể: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã đại diện cho bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại; tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn; bị cáo có ông, bà nội có công với cách mạng và được Nhà nước tặng huy chương kháng chiến (đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới); bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T mức án 01 (một) năm tù là nặng, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và chưa xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án bằng với thời gian bị cáo đã bị tạm giam là đủ sức răn đe đối với bị cáo và giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T là chưa xem xét hết hành vi

phạm tội cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đinh Văn T nên bị cáo không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Đinh Văn T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 194/2018/HS-ST ngày 25-7-2018 của Tòa án nhân dân thành phố T về hình phạt đối với bị cáo Đinh Văn T:

Căn cứ khoản 1 Điều 135; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T 09 (chín) tháng 06 (sáu) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/12/2017. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Đinh Văn T nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Đinh Văn T không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương;
- TAND thành phố T;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Công an thành phố T;
- Bị cáo;
- Tổ HCTP;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Huỳnh Đức